Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-29 08:10:32 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Số 290 **Ngày 29 tháng 05 năm 2026**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

15-05-2026 - Nghị định số 161/2026/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang 3

15-05-2026 - Nghị định số 162/2026/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng 10

VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

15-05-2026 - Quyết định số 874/QĐ-TTg về việc chuyển nguyên trạng Cụm phà Vàm Cống trực thuộc Khu Quản lý đường bộ IV thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý 15

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

22-04-2026 -	Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư Hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	17
22-04-2026 -	Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư Quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác	99

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 161/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với người hưởng lương, phụ cấp và chế độ tiền thưởng áp dụng đối với người hưởng lương làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được nhà nước giao (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hưởng lương, phụ cấp áp dụng mức lương cơ sở quy định tại Điều 1 Nghị định này, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức từ trung ương đến cấp xã quy định tại Điều 1 Luật Cán bộ, công chức;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 1 Luật Viên chức;

c) Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định của Chính phủ thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

d) Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

đ) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, công chức quốc phòng và lao động hợp đồng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân;

g) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

h) Hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Công an nhân dân;

i) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn và tổ dân phố.

2. Người hưởng lương quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này (không bao gồm đối tượng hưởng phụ cấp, sinh hoạt phí) thuộc đối tượng áp dụng chế độ tiền thưởng.

Điều 3. Mức lương cơ sở

1. Mức lương cơ sở dùng làm căn cứ:

a) Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

b) Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

c) Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng/tháng.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương, theo điểm c khoản 6.2 Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV thì: Thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6 năm 2026 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6 năm 2026 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc).

Đối với các cơ quan, đơn vị đang bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6 năm 2024 với tiền lương từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 do sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù thì thực hiện giảm phần chênh lệch bảo lưu tương ứng với tỷ lệ tăng lương cơ sở từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

4. Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở sau khi báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định phù hợp khả năng ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Điều 4. Chế độ tiền thưởng

1. Thực hiện chế độ tiền thưởng trên cơ sở thành tích công tác đột xuất và kết quả theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

2. Chế độ tiền thưởng quy định tại khoản 1 Điều này được dùng để thưởng đột xuất theo thành tích công tác và thưởng định kỳ hằng năm căn cứ theo kết quả theo dõi, đánh giá hằng quý, 06 tháng, xếp loại chất lượng hằng năm của từng người trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị và được thực hiện theo Quy chế tiền thưởng do người đứng đầu đơn vị lực lượng vũ trang theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc được phân cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và

người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, ban hành. Quy chế tiền thưởng được gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để quản lý, kiểm tra và thực hiện công khai trong cơ quan, đơn vị.

3. Quy chế tiền thưởng của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này phải bao gồm những nội dung sau:

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng;

b) Tiêu chí thưởng theo thành tích công tác đột xuất và căn cứ theo kết quả theo dõi, đánh giá hằng quý, 06 tháng, xếp loại chất lượng hằng năm của người hưởng lương trong cơ quan, đơn vị;

c) Mức tiền thưởng cụ thể đối với từng trường hợp, không nhất thiết phải gắn với mức lương theo hệ số lương của từng người;

d) Quy trình, thủ tục xét thưởng;

đ) Các quy định khác theo yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị (nếu cần thiết).

4. Quỹ tiền thưởng hằng năm quy định tại Điều này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

Đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì huỷ dự toán (đối với trường hợp dư dự toán) hoặc nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp dư tạm ứng).

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí của các bộ, cơ quan trung ương:

a) Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2026 tăng thêm so với dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí;

c) Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

2. Nguồn kinh phí của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Sử dụng 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

b) Sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán các năm 2026, 2025, 2024 so với dự toán năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ);

c) Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao, gồm: 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng thêm so với năm 2023, 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2025 so với năm 2024 và 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm năm 2026 so với năm 2025;

d) Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang;

đ) Sử dụng kinh phí ngân sách địa phương tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương, chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

e) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

3. Ngân sách trung ương bổ sung nguồn kinh phí còn thiếu do điều chỉnh mức lương cơ sở và thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2026 cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi đã thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Nguồn kinh phí của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2): Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện các quy định về mức lương cơ sở tại Nghị định này đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện các quy định tại Nghị định này đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng quy định tại Nghị định này, phạm vi trích số thu được để lại quy định tại điểm b khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Hướng dẫn việc chi tiền lương và thu nhập đối với các cơ quan, đơn vị đang thực hiện các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù;

c) Tổng hợp nhu cầu nguồn và trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí còn thiếu do thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 162/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 73/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15 và Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01 tháng 7 năm 2026, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg về việc chuyển bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

b) Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

c) Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 về việc trợ cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 206-CP ngày 30 tháng 5 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với công nhân mới giải phóng làm nghề nặng nhọc, có hại sức khỏe nay già yếu phải thôi việc.

d) Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

đ) Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg.

e) Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

g) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg.

h) Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

i) Người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 23 của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

2. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này nghỉ hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 (bao gồm những người đã nghỉ hưởng trợ cấp mất sức lao động trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, sau đó được tiếp tục hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg và Quyết định số 613/QĐ-TTg), sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định này có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng thấp hơn 3.800.000 đồng/tháng.

Điều 2. Thời điểm và mức điều chỉnh

1. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, điều chỉnh tăng thêm 8% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2026 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này, sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, có mức hưởng thấp hơn 3.800.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh như sau:

a) Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng bằng hoặc thấp hơn 3.500.000 đồng/người/tháng;

b) Tăng lên bằng 3.800.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng cao hơn 3.500.000 đồng/người/tháng nhưng thấp hơn 3.800.000 đồng/người/tháng.

3. Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 của Nghị định này được quy định như sau:

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm đối với các đối tượng: người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg và các đối tượng quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 1 của Nghị định này; người hưởng lương hưu theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ, Nghị định số 11/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP, Nghị định số 23/2012/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc,

làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 209/2025/NĐ-CP.

2. Quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm đối với các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở đi, kể cả đối tượng đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng theo: Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, Nghị định số 09/1998/NĐ-CP và đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết việc điều chỉnh đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, h và i khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết việc điều chỉnh đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1 và đối tượng thuộc trách nhiệm giải quyết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết việc điều chỉnh đối với đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 và đối tượng thuộc trách nhiệm giải quyết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện việc điều chỉnh, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, h và i khoản 1 Điều 1 của Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc điều chỉnh, chi trả trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

Chương II
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 75/2024/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 874/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển nguyên trạng Cụm phà Vàm Cống trực thuộc Khu Quản lý đường bộ IV thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại Công văn số 924/UBND-KTN ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc ý kiến đối với việc chuyển giao Cụm phà Vàm Cống thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển nguyên trạng Cụm phà Vàm Cống trực thuộc Khu Quản lý đường bộ IV thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai công tác bàn giao và tiếp nhận Cụm phà Vàm Cống theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2022.

- Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.[2]

---

[2] Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con.".

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về việc thực hiện công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với việc tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[3] gồm Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội; *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[4] trong việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ chứng khoán.

Điều 2. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[5], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và*

---

[3] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[4] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[5] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động

công ty con[6] trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ theo thẩm quyền.

2.[7] *Chấp thuận các quy chế nghiệp vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sửa đổi quy chế nghiệp vụ.*

3. Thực hiện giám sát đối với việc tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong hoạt động nghiệp vụ chứng khoán của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[8], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[9] (sau đây gọi tắt là giám sát tuân thủ).

---

trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[6] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[8] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[9] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại

4. Đình chỉ, hủy bỏ quyết định liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[10], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[11]; chỉ đạo *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[12], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[13] thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ trong

khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[10] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[11] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[12] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[13] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ

trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra giám sát tuân thủ hàng năm, tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết đối với *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[14], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[15].

6. Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[16], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ*

---

trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[14] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[15] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[16] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động

chứng khoán Việt Nam và công ty con[17].

7. Báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện công tác giám sát tuân thủ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 3. Phương thức giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ trên cơ sở báo cáo của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[18], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[19] theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và Chương IV Thông tư này; phản ánh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên thị trường chứng khoán và các nguồn tin trên phương tiện thông tin đại chúng liên quan đến việc tuân thủ quy định pháp luật trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ chứng khoán của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và*

---

trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[17] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[18] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[19] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

công ty con[20], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[21].

2. Trên cơ sở kế hoạch thanh tra, kiểm tra giám sát tuân thủ hàng năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[22], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[23] và tổ chức kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

---

[20] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[21] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[22] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[23] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 4. Nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

1. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các hoạt động nghiệp vụ chứng khoán quy định tại Thông tư này; báo cáo giải trình và kế hoạch khắc phục đối với các nội dung kết luận, kiến nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giám sát tuân thủ; báo cáo, kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán.

2. Kiến nghị, đề xuất Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Chương IV Thông tư này và thực hiện phân cấp nghĩa vụ báo cáo đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

4. Lưu trữ và bảo mật đối với hồ sơ, tài liệu, chứng từ và dữ liệu về nghiệp vụ chứng khoán theo quy định của pháp luật; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để phục vụ công tác giám sát tuân thủ.

Điều 5. Nghĩa vụ của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các hoạt động nghiệp vụ chứng khoán quy định tại Thông tư này; báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về nội dung giải trình và kế hoạch khắc phục đối với các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giám sát tuân thủ để Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Kiến nghị, đề xuất Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam để Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam tổng hợp, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước việc quy định, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về giám sát trên thị trường chứng khoán.

3. Thực hiện chế độ báo cáo bất thường gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu, đồng thời báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

4. Thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo phân cấp của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam để Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam tổng hợp, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

5. Lưu trữ và bảo mật đối với hồ sơ, tài liệu, chứng từ và dữ liệu về nghiệp vụ chứng khoán theo quy định của pháp luật; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để phục vụ công tác giám sát tuân thủ.

Điều 6. Nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Thông tư này; báo cáo giải trình và kế hoạch khắc phục đối với các nội dung kết luận, kiến nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giám sát tuân thủ.

2. Kiến nghị, đề xuất Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3.[24] Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Chương IV Thông tư này và thực hiện phân cấp nghĩa vụ báo cáo đối với công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Lưu trữ và bảo mật đối với hồ sơ, tài liệu, chứng từ và dữ liệu về nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để phục vụ công tác giám sát tuân thủ.

Chương II

NỘI DUNG GIÁM SÁT TUÂN THỦ ĐỐI VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Điều 7. Giám sát hoạt động ban hành văn bản và phổ biến, tuyên truyền

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát đối với các nội dung sau:

1. Giám sát việc ban hành, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ nội dung của các quy chế và các văn bản khác điều chỉnh hoạt động nghiệp vụ của *Sở giao dịch chứng*

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

khoán Việt Nam và công ty con[25].

2. Giám sát việc phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[26].

Điều 8. Giám sát hoạt động nghiệp vụ tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về các hoạt động nghiệp vụ sau:

1. Xây dựng và ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán; ban hành tiêu chí giám sát giao dịch; ban hành chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; quản lý, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm của thành viên theo quy định của pháp luật chứng khoán và làm trung gian hòa giải theo yêu cầu của thành viên khi

---

[25] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[26] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán.

4.[27] Việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật; Giám sát tuân thủ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong việc thực hiện các quy chế hoạt động nghiệp vụ; giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán, giao dịch liên thị trường, hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin; giám sát tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư hoạt động trên các thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

5. Bảo đảm hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán được tiến hành liên tục, công khai, công bằng, trật tự, an toàn và hiệu quả; các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán; báo cáo vi phạm của thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; báo cáo vi phạm của nhà đầu tư, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức và triển khai hoạt động kiểm soát tuân thủ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đối với các hoạt động nghiệp vụ về chứng khoán.

7. Lưu trữ, bảo mật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu gốc liên quan tới việc thực hiện nghiệp vụ chứng khoán.

8. Các hoạt động khác của *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[28] có liên quan đến hoạt động nghiệp vụ.

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[28] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động

Điều 9. Giám sát hoạt động nghiệp vụ tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về các hoạt động nghiệp vụ sau:

1. Tổ chức, vận hành thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật và trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. [29] *Việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán; giám sát hoạt động công bố thông tin của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin; giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.*

3. Cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

4. [30] *Chấp thuận, thay đổi, hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.*

5. Kiểm tra, xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

---

trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

6. [31] *Tổ chức đấu giá, đấu thầu chứng khoán.*

7. Tổ chức và triển khai hoạt động kiểm soát tuân thủ đối với các hoạt động nghiệp vụ về chứng khoán.

Chương III
NỘI DUNG GIÁM SÁT TUÂN THỦ ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 10. Giám sát hoạt động ban hành văn bản và phổ biến, tuyên truyền

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát đối với các nội dung sau:

1. Giám sát việc ban hành, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ nội dung của các quy chế, quy trình và các văn bản khác điều chỉnh hoạt động nghiệp vụ của *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[32].

2. Giám sát việc phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư của *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[33].

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[32] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[33] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ

Điều 11. Giám sát hoạt động nghiệp vụ[34]

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con về các hoạt động nghiệp vụ sau:

1. Xây dựng và ban hành các quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và các quy chế nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Chấp thuận, thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; chấp thuận, thu hồi giấy chứng nhận thành viên bù trừ cơ sở; chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh; giám sát việc duy trì điều kiện đăng ký thành viên lưu ký; giám sát việc thực hiện quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với công ty con, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; hoạt động giám sát của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với công ty con, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc tuân thủ pháp luật về chứng khoán và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; việc xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật chứng khoán và theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Đăng ký chứng khoán, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán, hủy đăng ký chứng khoán; cấp, quản lý mã chứng khoán; thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán; chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch chứng khoán.

4. Mở, quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán; ký gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa, giải tỏa chứng khoán.

5. Cấp, quản lý mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

---

trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[34] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

6. Việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con theo quy định pháp luật; hoạt động giám sát của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với công ty con, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ trong việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy chế nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

7. Việc tổ chức thực hiện hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán; sửa lỗi, xử lý lỗi, lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ thanh toán giao dịch; từ chối thế vị giao dịch của thành viên bù trừ, loại bỏ thanh toán giao dịch, chuyển sang thanh toán bằng tiền; lập, quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán; lập, quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ; sử dụng Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán.

8. Việc thiết lập hệ thống bảo đảm quản lý tách biệt tài khoản, tài sản của thành viên bù trừ với tài khoản, tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; tách biệt tài khoản, tài sản của từng thành viên bù trừ; tách biệt tài khoản, tài sản ký quỹ của thành viên bù trừ và các khách hàng của chính thành viên bù trừ đó.

9. Việc quản lý hệ thống vay và cho vay chứng khoán (SBL), quản lý hệ thống giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ của quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF).

10. Việc giám sát tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng, quỹ đại chúng theo quy định của pháp luật:

a) Giám sát các công ty đại chúng, quỹ đại chúng đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thực hiện đăng ký hoặc hủy mã số giao dịch chứng khoán theo đúng quy định pháp luật;

b) Giám sát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng, quỹ đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; việc thực hiện giám sát an ninh, an toàn đối với hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; giám sát công ty con, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc thực hiện hoạt động này.

12. Việc thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm, quản lý đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

13. Lưu trữ bảo mật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu gốc liên quan tới việc thực hiện nghiệp vụ chứng khoán.

14. Hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo từng nghiệp vụ.

15. Hoạt động đền bù thiệt hại cho khách hàng khi cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ.

16. Các hoạt động khác của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có liên quan đến hoạt động nghiệp vụ chứng khoán.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 12. Báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[35]

1. Báo cáo định kỳ

a) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo định kỳ hằng tháng và năm theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[36]gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo định kỳ hằng tháng và năm theo mẫu quy

[35] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[36] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn nộp các báo cáo định kỳ quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng;

b) Đối với báo cáo năm: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm.

3. Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

4. Báo cáo theo yêu cầu

Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con[37], *Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con*[38] có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến công tác giám sát tuân thủ.

5. *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con*[39], *Tổng công ty lưu ký*

---

[37] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[38] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[39] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con[40] gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo dưới hình thức văn bản điện tử và văn bản giấy.

Điều 13. Báo cáo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện công tác giám sát tuân thủ theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[41]

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[40] Cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[41] Điều 21 Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên giao dịch, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 03 năm 2022.

2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

b) Thông tư số 35/2019/TT-BTC ngày 12 tháng 06 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 15. [42] ***(được bãi bỏ)***

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 11/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

[42] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Phụ lục I[1]

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (SGDCKVN)

(Kèm theo Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*..., ngày... tháng... năm 20....*

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động nghiệp vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con

2. Về việc xây dựng văn bản

Phân loại theo hoạt động	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Quản lý giao dịch			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Kiểm soát nội bộ			
Công bố thông tin			
Khác			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện cụ thể nội dung phân loại các văn bản do SGDCKVN ban hành theo thẩm quyền (phân loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của SGDCKVN và công ty con)

[1] Phụ lục này được thay thế bằng Phụ lục III theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo.

3. Quản lý, giám sát thành viên

3.1. Xử lý hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên

Thành viên	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước**	**Tổng số hồ sơ đăng ký thành viên**	**Tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên**	**Tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên**	**Tổng số hồ sơ đăng ký thành viên đã giải quyết**	**Tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên đã giải quyết**	**Tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên đã giải quyết**	**Số hồ sơ giải quyết quá hạn**	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**	**Ghi chú**
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Thành viên giao dịch										
Thị trường niêm yết, đăng ký giao dịch										
Thị trường chứng khoán phái sinh										
Thị trường công cụ nợ										
Thành viên giao dịch đặc biệt										
Thị trường chứng khoán phái sinh										
Thị trường công cụ nợ										
Tổng số										

Cột 1: thể hiện thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt trên các thị trường

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ đăng ký thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký thành viên SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 9: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 10: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo - số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

3.2. Xử lý hồ sơ vi phạm của thành viên

Nội dung	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK Việt Nam	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK Việt Nam	Tổng số vụ việc đã báo cáo UBCK	Tổng số vụ việc giải quyết quá hạn	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Vi phạm chế độ công bố thông tin								
Vi phạm chế độ báo cáo								

Vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán								
Vi phạm quy định về hạ tầng công nghệ thông tin								
Vi phạm khác								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện nội dung vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCKVN phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCKVN phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm.

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCKVN trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN giải quyết bị quá hạn

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 9: giải thích rõ vi phạm/vụ việc (nếu cần thiết).

4. Quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch

4.1. Xử lý hồ sơ chấp thuận, hủy bỏ chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch

Nội dung	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số hồ sơ đã nhận/phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM						
Niêm yết cổ phiếu lần đầu						

Thay đổi niêm yết cổ phiếu						
Hủy bỏ niêm yết cổ phiếu						
Niêm yết CCQ ETF lần đầu						
Thay đổi niêm yết CCQ ETF						
Hủy bỏ niêm yết CCQ ETF						
Niêm yết CW lần đầu						
Thay đổi niêm yết CW						
Hủy bỏ niêm yết CW						
SGDCKHN						
Niêm yết lần đầu cổ phiếu						
Thay đổi niêm yết cổ phiếu						
Hủy bỏ niêm yết cổ phiếu						
ĐKGD lần đầu						
Thay đổi ĐKGD						
Hủy bỏ ĐKGD						
Niêm yết sản phẩm CKPS						
Hủy bỏ sản phẩm CKPS						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung xử lý

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo - số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

4.2. Xử lý vi phạm tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

Nội dung	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm đã phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK	Tổng số vụ việc xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Tổng số vụ việc báo cáo UBCK	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
SGDCKTP.HCM								
Chế độ báo cáo								
Chế độ công bố thông tin								
Giao dịch cổ phiếu quỹ								
Vi phạm khác								
SGDCKHN								
Chế độ báo cáo								
Chế độ công bố thông tin								
Giao dịch cổ phiếu quỹ								
Vi phạm khác								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện loại vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCK phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCK phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK giải quyết bị quá hạn

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

5. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký/hủy giao dịch trái phiếu

Nội dung	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
Niêm yết TPCP						
Hủy niêm yết TPCP						
Niêm yết TP được Chính phủ bảo lãnh						
Hủy niêm yết TP được chính phủ bảo lãnh						
Niêm yết TP địa phương						
Hủy niêm yết TP địa phương						
Niêm yết TP doanh nghiệp						
Hủy niêm yết TP doanh nghiệp						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung xử lý

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đã đăng ký niêm yết/hủy niêm yết trái phiếu theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký niêm yết/ hủy niêm yết trái phiếu SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký niêm yết/hủy niêm yết trái phiếu SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo - số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

6. Xử lý vi phạm của cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, người liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng (gồm tổ chức niêm yết và tổ chức đăng ký giao dịch)

Loại vi phạm	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Tổng số vụ việc báo cáo UBCK	Tổng số vụ việc giải quyết quá hạn	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
SGDCKTP.HCM								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của cổ đông lớn								
Vi phạm khác của cổ đông lớn								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của người nội bộ								
Vi phạm khác của người nội bộ								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của người liên quan								
Vi phạm khác của người liên quan								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của đối tượng liên quan khác								
Vi phạm khác của đối tượng liên quan khác								
SGDCKHN								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của cổ đông lớn								
Vi phạm khác của cổ đông lớn								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của người nội bộ								
Vi phạm khác của người nội bộ								

Vi phạm chế độ công bố thông tin của người liên quan								
Vi phạm khác của người liên quan								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của đối tượng liên quan khác								
Vi phạm khác của đối tượng liên quan khác								

Cột 1: Thể hiện loại vi phạm

Cột 2: Thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: Thể hiện tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm SGDCK phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm.

Cột 5: Thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: Thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: Thể hiện tổng số vụ việc đã giải quyết quá hạn

Cột 8: Thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 9: Giải thích rõ vi phạm/vụ việc (nếu cần thiết).

7. Hoạt động đấu giá, đấu thầu chứng khoán

Loại chứng khoán	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK đã thực hiện trong kỳ báo cáo**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK giải quyết quá hạn**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**	**Ghi chú**
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM						
Cổ phiếu						
SGDCKHN						

Cổ phiếu						
Trái phiếu						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán

Cột 2: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK đã nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK thực hiện trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số đợt đấu giá, đấu thầu chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số đợt đấu giá, đấu thầu phát sinh trong kỳ báo cáo - số đợt đấu giá, đấu thầu đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

8. Hoạt động trung gian hòa giải tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch chứng khoán đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Cột 1: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCKVN trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCKVN phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCKVN đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCKVN đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đang giải quyết và chưa giải quyết làm trung gian hòa giải của SGDCKVN trong kỳ báo cáo.

9. Hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán

Nội dung	Số hồ sơ/vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số vụ việc đã phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã báo cáo UBCKNN trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đang tiếp tục theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM						
Chạm tiêu chí giám sát						
Chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích *						
Báo cáo phân tích theo yêu cầu						
SGDCKHN						
Chạm tiêu chí giám sát						
Chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích*						
Báo cáo phân tích theo yêu cầu						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung giám sát

Cột 2: thể hiện số hồ sơ/vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc có dấu hiệu bất thường về giao dịch, đã kết thúc theo dõi, xử lý tại SGDCK

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc đang tiếp tục theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo.

Ghi chú: * thể hiện các vụ việc chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích theo quy định tại khoản 02 điều 14 Thông tư 95/2020/TT-BTC hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này).

10. Công bố thông tin

Thông tin công bố	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số thông tin giải quyết quá hạn	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	**5**	6	**7**
SGDCKVN						
Thông tin công bố từ SDGCKVN						
Thông tin công bố từ thành viên						
SGDCKTP.HCM						
Thông tin công bố từ SGDCK						
Thông tin công bố từ tổ chức NY						
Thông tin công bố từ cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan.						
SGDCKHN						
Thông tin công bố từ SGDCK						
Thông tin công bố từ tổ chức NY/ĐKGD						
Thông tin công bố từ cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan.						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại tổ chức công bố thông tin

Cột 2: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số thông tin SGDCKVN và công ty con đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số thông tin SGDCKVN và công ty con đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số thông tin chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo - số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

Phụ lục II[2]

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TCTLKCK)

(Kèm theo Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động nghiệp vụ của TCTLKCK

2. Về việc xây dựng văn bản

Lĩnh vực điều chỉnh	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Lưu ký chứng khoán			
Bù trừ thanh toán			
Cấp mã giao dịch			
Chế độ báo cáo			
Lĩnh vực điều chỉnh khác			
Tổng cộng			

**Ghi chú: TCTLKCK liệt kê các văn bản ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ so với các văn bản gốc trong kỳ báo cáo*

Cột 1: thể hiện lĩnh vực điều chỉnh của các loại văn bản do TCTLKCK ban hành theo thẩm quyền (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của TCTLKCK)

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản TCTLKCK đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản TCTLKCK đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

[2] Phụ lục này được thay thế bằng Phụ lục IV theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản TCTLKCK đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo.

3. Quản lý, giám sát thành viên

3.1. Xử lý hồ sơ đăng ký, thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên (không bao gồm trường hợp TCTLKCK xử lý vi phạm đối với thành viên)

Loại thành viên	Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang	Tổng số hồ sơ đăng ký đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Khác	Tổng số hồ sơ đăng ký đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Khác	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Thành viên lưu ký									
- Công ty chứng khoán									
- Ngân hàng lưu ký									
2. Thành viên bù trừ									
-Thành viên bù trừ cơ sở									
-Thành viên bù trừ phái sinh									
3. Khác									
Tổng số									

**Ghi chú: TCTLKCK nêu rõ tên thành viên được đăng ký, thu hồi giấy chứng nhận thành viên và hủy bỏ tư cách thành viên. Đối với các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên, TCTLKCK nêu lý do thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên.*

Cột 1: thể hiện loại thành viên

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3 và 4: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị đăng ký tư cách thành viên, hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung đăng ký, thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6 và 7: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị đăng ký tư cách thành viên, thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên TCTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung đăng ký, thu hồi giấy chứng nhận thành viên/hủy bỏ tư cách thành viên TCTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 9: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 10: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

3.2. Xử lý hồ sơ vi phạm của thành viên

Loại vi phạm	**Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm phát hiện trong kỳ báo cáo**	**Tổng số vụ việc chưa đến mức xử lý**	**Tổng số hồ sơ đã xử lý theo thẩm quyền của TCTLKCK**	**Tổng số hồ sơ đã báo cáo UBCKNN**	**Số vụ việc giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)**	**Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
1	2	3	4	5	6	7	8
Chế độ báo cáo của CTCK							
Nghiệp vụ của CTCK							
Khác							
Chế độ báo cáo của NHLK							
Nghiệp vụ của NHLK							
Khác							
Chế độ							

báo cáo của TVBT							
-Thành viên bù trừ cơ sở							
-Thành viên bù trừ phái sinh							
Nghiệp vụ của TVBT							
-Thành viên bù trừ cơ sở							
-Thành viên bù trừ phái sinh							
Khác							

**Ghi chú:*

- Đối với các hồ sơ xử lý theo thẩm quyền của TCTLKCK, đề nghị TCTLKCK nêu chi tiết các trường hợp có hình thức xử lý từ khiển trách trở lên.

- Đối với các hồ sơ đã báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý, TCTLKCK gửi kèm hồ sơ liên quan.

Cột 1: thể hiện loại vi phạm

Cột 2: thể hiện số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm TCTLKCK phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc chưa đến mức xử lý theo quy chế của TCTLKCK

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc TCTLKCK đã xử lý theo thẩm quyền của TCTLKCK trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc TCTLKCK đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc TCTLKCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

4. Đăng ký chứng khoán

4.1. Đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Số lượng hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	Số lượng chứng khoán tương ứng với hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
Đăng ký lần đầu						
Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký						
- Điều chỉnh tăng số lượng						
- Điều chỉnh giảm, hủy một phần số lượng chứng khoán đăng ký						
Hủy đăng ký toàn bộ						
Hủy đăng ký một phần						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung hồ sơ

Cột 2: thể hiện số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tsổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

4.2. Xử lý hồ sơ điều chỉnh thông tin

Đối tượng yêu cầu điều chỉnh thông tin đăng ký	**Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh thông tin đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh sai sót về số lượng chứng khoán đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh loại chứng khoán đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh sai sót về số lượng chứng khoán đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ điều chỉnh loại chứng khoán đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)**	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Nhà đầu tư									
Tổ chức phát hành									
Tổng số									

Cột 1: thể hiện tên đối tượng yêu cầu TCTLKCK điều chỉnh thông tin đăng ký

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3, 4 và 5: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 6, 7 và 8: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 9: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 10: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

4.3. Xử lý hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK

Loại chuyển quyền	Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số chứng khoán tương ứng với hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
1. Tặng cho						
2. Thừa kế						
3. Giao dịch lô lẻ						
4. TCPH mua lại của người lao động/CBCNV						
5.Phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân						
6. TCPH thưởng/phân phối/bán lại cho CBCVN						
7. Chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng						
8. Chuyển quyền sở hữu giữa nhà đầu tư ủy thác và công ty quản lý quỹ hoặc ngược lại và giữa các công ty quản lý quỹ với nhau						
9. Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án						
10. Chuyển quyền sở hữu do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp						
11. Chuyển quyền sở hữu do góp vốn bằng cổ phiếu vào doanh nghiệp						
12. Chuyển quyền sở hữu do tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập						
13. Chuyển quyền sở hữu trong trường hợp giải thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh						
14. Chuyển quyền sở hữu do chuyển nhượng vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký						

giao dịch theo phương thức đấu giá/chào bán cạnh tranh/thỏa thuận/dựng sổ theo quy định của pháp luật						
15. Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do thực hiện chào mua công khai						
16. Chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua các SGDCK						
17. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký chứng khoán tại TCTLKCK nhưng không thuộc đối tượng phải giao dịch trên SGDCK						
18. Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm						
19. Chuyển quyền sở hữu trong trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp						
20. Chuyển quyền sở hữu khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập, tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ; tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; chuyển quyền sở hữu chứng khoán khi quỹ trả bằng chứng khoán trong hoạt động mua bán lại của quỹ mở						
21. Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau trong trường hợp đã đạt mức tối đa về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu đó và mức giá thỏa thuận giữa các bên cao hơn giá trần của cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại thời điểm thực hiện giao dịch						

22. Chuyển quyền sở hữu chứng khoán đăng ký tại TCTLKCK là tài sản được dùng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn do doanh nghiệp phát hành TPRL không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng tiền						
23. Các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chuyển quyền

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

4.4. Xử lý hồ sơ thực hiện quyền

Loại chứng khoán	**Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số hồ sơ thực hiện bằng tiền đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ thực hiện bằng chứng khoán đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ quyền tham dự đại hội cổ đông đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ thực hiện bằng tiền đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ thực hiện bằng chứng khoán đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ quyền tham dự đại hội cổ đông đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)**	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Cổ phiếu									
Chứng quyền có bảo đảm									
Trái phiếu									
Tín phiếu									
Chứng chỉ quỹ									
Tổng cộng									

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán thực hiện quyền

Cột 2: thể hiện số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 9: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 10: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

4.5. Xử lý hồ sơ cấp mã chứng khoán

Chứng khoán	Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang	Tổng số hồ sơ cấp mới đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ hủy mã đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ cấp mới đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ hủy mã đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6	7	8
Cổ phiếu							
Chứng quyền có bảo đảm							
Trái phiếu							
Tín phiếu							
Chứng chỉ quỹ							
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

5. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số lượng chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
Mở tài khoản lưu ký						
Đóng tài khoản lưu ký						
Ký gửi chứng khoán						
Rút chứng khoán						
Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán						
Chuyển khoản chứng khoán						
Tổng số						

Cột 1: thể hiện loại nghiệp vụ lưu ký

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

6. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

6.1. Xử lý hồ sơ sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh, lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ thanh toán giao dịch/chuyển sang thanh toán bằng tiền

Loại thành viên	Tổng số thành viên, tổ chức mở tài khoản trực tiếp	Tổng số giao dịch sửa lỗi của thành viên	Tổng số giao dịch xử lý lỗi tự doanh của thành viên	Lùi thời hạn thanh toán do thiếu tiền thanh toán	Lùi thời hạn thanh toán do thiếu chứng khoán thanh toán	Loại bỏ thanh toán do thiếu chứng khoán thanh toán	Loại bỏ thanh toán do thiếu tiền thanh toán
1	2	3	4	5	6	7	8
1. Thành viên lưu ký							
- Công ty chứng khoán							
- Ngân hàng lưu ký							
2. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp							
-Thành viên bù trừ cơ sở							
-Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh							
3. Khác							
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện loại thành viên có giao dịch cần sửa lỗi, xử lý lỗi, lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ thanh toán giao dịch

Cột 2: thể hiện số lượng thành viên, tổ chức mở tài khoản trực tiếp cần sửa lỗi, xử lý lỗi, lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ thanh toán giao dịch

Cột 3: thể hiện số lượng giao dịch sửa lỗi của thành viên

Cột 4: thể hiện số lượng giao dịch xử lý lỗi tự doanh của thành viên

Cột 5: thể hiện số lượng giao dịch lùi thời hạn thanh toán do thiếu tiền thanh toán

Cột 6: thể hiện số lượng giao dịch lùi thời hạn thanh toán do thiếu chứng khoán thanh toán

Cột 7: thể hiện số lượng giao dịch loại bỏ thanh toán giao dịch do thiếu chứng khoán thanh toán

Cột 8: thể hiện số lượng giao dịch loại bỏ thanh toán giao dịch do thiếu tiền thanh toán.

6.2. Sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán (QHTTT)

Mã thành viên	Tên thành viên	Số tiền đóng góp QHTTT	Tổng số lần sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán	Tổng số tiền sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán	Tổng số tiền đã trả Quỹ hỗ trợ thanh toán
1	2	3	4	5	6

Cột 1: thể hiện mã thành viên

Cột 2: thể hiện tên thành viên

Cột 3: thể hiện tổng số tiền đóng góp quỹ tại thời điểm báo cáo của thành viên

Cột 4: thể hiện tổng số lần QHTTT phát vay cho thành viên lưu ký tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số tiền phát vay của QHTTT cho thành viên lưu ký tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số tiền thành viên lưu ký tương ứng tại cột 1, 2 trả cho QHTTT tính đến thời điểm báo cáo

6.3. Hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ bù trừ

STT	Mã TVBT	Tên TVBT	Giá trị đóng góp quỹ bù trừ		Tổng số lần sử dụng quỹ bù trừ	Giá trị sử dụng quỹ bù trừ		Giá trị hoàn trả quỹ bù trừ
			Tiền	Chứng khoán (tính theo mệnh giá)		Tiền	Chứng khoán (tính theo mệnh giá)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Cột 1: thể hiện số thứ tự các thành viên bù trừ

Cột 2: thể hiện mã thành viên bù trừ

Cột 3: thể hiện tên thành viên bù trừ

Cột 4: thể hiện giá trị tiền đóng góp vào quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

Cột 5: thể hiện giá trị chứng khoán đóng góp vào quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

Cột 6: thể hiện tổng số lần sử dụng quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

Cột 7: thể hiện giá trị sử dụng tiền từ quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

Cột 8: thể hiện giá trị sử dụng chứng khoán từ quỹ bù trừ của thành viên bù trừ

Cột 9: thể hiện giá trị hoàn trả quỹ bù trừ của thành viên bù trừ.

7. Hoạt động cấp mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Loại hình nhà đầu tư	**Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số hồ sơ cấp đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ hủy bỏ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ cấp đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ hủy bỏ đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)**	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
1	2	3	4	5	6	7	8
Cá nhân							
Tổ chức							
Tổng số							

Cột 1: thể hiện loại chủ thể đăng ký

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TCTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TCTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng số hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng số hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

8. Hoạt động công bố thông tin

Thông tin công bố	**Số thông tin chưa công bố kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo**	**Tổng số thông tin đã công bố trong kỳ báo cáo**	**Số thông tin công bố quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)**	**Số thông tin chưa công bố trong kỳ báo cáo**
1	2	3	4	5	6
Liên quan đến tổ chức phát hành					
Liên quan đến thành viên					
-Thành viên lưu ký					
-Thành viên bù trừ cơ sở					
-Thành viên bù trừ phái sinh					
Cấp mã số giao dịch					
Khác					
Tổng cộng					

Cột 1: thể hiện thông tin công bố

Cột 2: thể hiện số thông tin chưa công bố kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số thông tin đã công bố trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 6: thể hiện tổng số thông tin phát sinh nhưng chưa công bố trong kỳ báo cáo.

9. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động phải kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng hồ sơ/vụ việc kiểm tra	Số lượng hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
1	2	3	4
Lưu ký chứng khoán và quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán			
Dịch vụ quỹ và sản phẩm mới			
Nghiên cứu phát triển và hợp tác quốc tế			
Công nghệ thông tin			
Hành chính quản trị			
Tổng hợp và pháp chế			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện hoạt động nghiệp vụ đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện tổng số lượng nội dung kiểm tra

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ đã kiểm tra đối với hoạt động nghiệp vụ thể hiện tại cột 1

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có).

10. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán

STT	Mục đích vay	Số lượng TVLK, tổ chức vay trong kỳ báo cáo	Số lượng hợp đồng vay phát sinh trong kỳ báo cáo	Số lượng hợp đồng vay tất toán trong kỳ	Số lượng hợp đồng vay cuối kỳ chưa tất toán
1	2	3	4	5	6
1	Hỗ trợ thanh toán				
2	Hỗ trợ ETF				
3	Vay TPCP để bán				
4	Vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở				
5	Khác				

Cột 1: thể hiện số thứ tự

Cột 2: thể hiện mục đích vay chứng khoán

Cột 3: thể hiện số lượng thành viên lưu ký, tổ chức vay chứng khoán trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng hợp đồng vay phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số lượng hợp đồng vay đã tất toán hợp đồng trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện số lượng hợp đồng vay chưa tất toán trong kỳ báo cáo.

11. Hoạt động hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF

Nghiệp vụ	**Số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang**	**Tổng số hồ sơ nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo**	**Số lượng CCQ**	**Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc vi phạm khác (nếu có)**	**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
1	2	3	4	5	6	7
Đăng ký bổ sung						
Hủy đăng ký một phần						
Khác						
Tổng						

Cột 1: thể hiện loại nghiệp vụ

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK nhận đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số lượng chứng chỉ quỹ tương ứng với tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo (cột 4)

Cột 6: thể hiện số lượng hồ sơ TCTLKCK giải quyết quá hạn hoặc vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 7: thể hiện số lượng hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo (bằng tổng số hồ sơ chưa giải quyết kỳ trước chuyển sang + tổng hồ sơ phát sinh kỳ báo cáo - tổng hồ sơ đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo).

Phụ lục III[3]

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NĂM CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TCTLKCK)

(Kèm theo Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Hoạt động đăng ký, lưu ký chứng khoán

STT	Hoạt động nghiệp vụ	Năm T-1			Năm T			So sánh		Ghi chú
		Số lượng hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ	Số lượng hồ sơ đã giải quyết	Số lượng hồ sơ chưa giải quyết xong	Số lượng hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ	Số lượng hồ sơ đã giải quyết	Số lượng hồ sơ chưa giải quyết xong	Số lượng hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ	Số lượng hồ sơ đã giải quyết	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	**Đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán**									
	- Đăng ký chứng khoán									
	- Hủy đăng ký chứng khoán									
	+ Hủy đăng ký chứng khoán toàn bộ									
	+ Hủy đăng ký chứng khoán một phần									
2	**Điều chỉnh thông tin**									

[3] Phụ lục này được thay thế bằng Phụ lục V theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

	- Điều chỉnh thông tin									
	- Điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu									
	- Điều chỉnh loại chứng khoán									
3	**Thực hiện quyền**									
	- Cổ phiếu									
	-Chứng quyền có bảo đảm									
	- Trái phiếu									
	- Tín phiếu									
	- Chứng chỉ quỹ									
4	**Cấp, hủy mã chứng khoán**									
	- Cấp mới									
	- Hủy mã									
5	**Mở/đóng tài khoản**									
	- Mở tài khoản									
	- Đóng tài khoản									
6	**Ký gửi chứng khoán**									
7	**Rút chứng khoán**									
8	**Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán**									
9	**Chuyển khoản**									

10	**Chấp thuận/chấm dứt /hủy bỏ tư cách TV**									
	10.1 Thành viên lưu ký									
	- Chấp thuận									
	- Chấm dứt tư cách thành viên									Nêu rõ tên TVLK và lý do chấm dứt tư cách thành viên
	10.2 Thành viên bù trừ cơ sở									
	- Chấp thuận									
	- Chấm dứt tư cách thành viên									Nêu rõ tên TVBT và lý do chấm dứt tư cách thành viên
	10.3 Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh									
	- Chấp thuận									
	- Hủy bỏ tư cách thành viên									Nêu rõ tên TVBT và lý do hủy bỏ tư cách thành viên
11	**Cấp/hủy mã số giao dịch cho NĐT nước ngoài**									

	Cấp mã cho NĐT cá nhân									
	Cấp mã cho NĐT tổ chức									
	Hủy cấp mã cho NĐT cá nhân									
	Hủy cấp mã cho NĐT tổ chức									
12	**Chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK**									
13	**Hoạt động hoán đổi chứng chỉ ETF**									
	Đăng ký bổ sung									
	Hủy đăng ký một phần									
	Khác									

Cột 1: thể hiện số thứ tự các hoạt động nghiệp vụ

Cột 2: thể hiện loại hoạt động nghiệp vụ

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để giải quyết trong năm T-1

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã giải quyết trong năm T-1

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong năm T-1

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để giải quyết trong năm T

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK đã giải quyết trong năm T

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ TCTLKCK chưa giải quyết xong trong năm T

Cột 9: thể hiện sự tăng giảm (%) số lượng hồ sơ TCTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định của năm T so với năm T-1

Cột 10: thể hiện sự tăng giảm số lượng hồ sơ TCTLKCK đã giải quyết năm T so với năm T-1

Cột 11: thể hiện những ghi chú nhằm làm rõ nội dung các hoạt động nghiệp vụ (nếu có).

2. Hoạt động xử lý vi phạm của thành viên

Hình thức xử lý vi phạm	Năm T-1	Năm T	So sánh
1	2	3	4
1. Thành viên lưu ký			
Nhắc nhở			
Khiển trách			
Đình chỉ hoạt động lưu ký/trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ			
Đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán/trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ			
Đình chỉ việc sử dụng hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến			
Chấm dứt tham gia hoạt động thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bắt buộc			
Thu hồi giấy chứng nhận TVLK			
2. Thành viên bù trừ			
Nhắc nhở			
Khiển trách			
Đình chỉ hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán			
Thu hồi giấy chứng nhận/Hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ bắt buộc			

**Ghi chú:*

- Đối với các hồ sơ xử lý theo thẩm quyền của TCTLKCK (từ khiển trách trở lên) và hồ sơ đã báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý, đề nghị TCTLKCK ghi chú chi tiết các trường hợp.

Cột 1: thể hiện số thứ tự các nội dung cần báo cáo

Cột 2: thể hiện số vụ việc xử lý năm T-1

Cột 3: thể hiện số vụ việc xử lý năm T

Cột 4: thể hiện số vụ việc tăng, giảm so với năm T.

3. Hoạt động bù trừ, thanh toán sau giao dịch

STT	Hoạt động nghiệp vụ	Năm T-1		Năm T		Tăng/giảm		Ghi chú
		Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh							
2	Lùi thời hạn thanh toán							
3	Loại bỏ thanh toán giao dịch/chuyển sang thanh toán bằng tiền							

Cột 1: thể hiện số thứ tự các hoạt động nghiệp vụ

Cột 2: thể hiện loại hoạt động nghiệp vụ

Cột 3: thể hiện số thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ trong năm T-1

Cột 4: thể hiện số giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt động sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán trong năm T-1

Cột 5: thể hiện số thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ trong năm T

Cột 6: thể hiện số giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt động sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán trong năm T

Cột 7: thể hiện sự thay đổi số lượng thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ năm T so với năm T-1

Cột 8: thể hiện sự thay đổi số lượng giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán

Cột 9: thể hiện những ghi chú nhằm làm rõ thêm nội dung các hoạt động nghiệp vụ (nếu có).

4. Hoạt động vay và cho vay chứng khoán

STT	Hoạt động nghiệp vụ	Năm T-1		Năm T		Tăng/giảm		Ghi chú
		Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	Số TVLK/TVBT	Số giao dịch	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Hỗ trợ thanh toán giao dịch							
	Hoán đổi ETF							
	Vay TPCP để bán							
	Vay TPCP để chuyển giao tài sản cơ sở							
	Khác							

Cột 1: thể hiện số thứ tự các hoạt động nghiệp vụ

Cột 2: thể hiện loại hoạt động nghiệp vụ

Cột 3: thể hiện số thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ trong năm T-1

Cột 4: thể hiện số giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt động sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán trong năm T-1

Cột 5: thể hiện số thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ trong năm T

Cột 6: thể hiện số giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt động sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán trong năm T

Cột 7: thể hiện sự thay đổi số lượng thành viên thực hiện hoạt động nghiệp vụ năm T so với năm T-1

Cột 8: thể hiện sự thay đổi số lượng giao dịch được thực hiện liên quan đến các hoạt sửa lỗi, loại bỏ không thanh toán, vay và cho vay chứng khoán

Cột 9: thể hiện những ghi chú nhằm làm rõ thêm nội dung các hoạt động nghiệp vụ (nếu có).

5. Sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán, Quỹ bù trừ

STT	Nguồn hỗ trợ	Năm T-1			Năm T			Tăng/giảm		
		Số TV	Số lần sử dụng	Số tiền sử dụng	Số TV	Số lần sử dụng	Số tiền sử dụng	Số TV	Số lần sử dụng	Số tiền sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán									
2	Sử dụng quỹ bù trừ									
3	Khác									

Cột 1: thể hiện số thứ tự các nguồn hỗ trợ thanh toán

Cột 2: thể hiện loại nguồn hỗ trợ thanh toán

Cột 3: thể hiện số thành viên sử dụng các nguồn hỗ trợ trong năm T-1

Cột 4: thể hiện số lần sử dụng các nguồn hỗ trợ trong năm T-1 của các thành viên

Cột 5: thể hiện số tiền vay sử dụng từ các nguồn hỗ trợ trong năm T-1

Cột 6: thể hiện số thành viên sử dụng các nguồn hỗ trợ trong năm T

Cột 7: thể hiện số lần sử dụng các nguồn hỗ trợ trong năm T của các thành viên

Cột 8: thể hiện số tiền vay sử dụng từ các nguồn hỗ trợ trong năm T

Cột 9: thể hiện sự thay đổi số lượng thành viên sử dụng các nguồn hỗ trợ năm T so với năm T-1

Cột 10: thể hiện sự thay đổi số lần thành viên sử dụng các nguồn hỗ trợ năm T so với năm T-1

Cột 11: thể hiện sự thay đổi số tiền thành viên sử dụng từ các nguồn hỗ trợ năm T so với năm T-1.

6. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ

STT	Nội dung	Thời điểm phát sinh	Số lần sử dụng	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5

Cột 1: thể hiện số thứ tự các lần sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ

Cột 2: thể hiện rõ loại chứng khoán liên quan đến việc sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ

Cột 3: thể hiện thời điểm phát sinh việc sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ

Cột 4: thể hiện số lần sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ

Cột 5: thể hiện mục đích sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ.

Phụ lục IV

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NĂM CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (SGDCKVN)

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*..., ngày... tháng... năm 20....*

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động nghiệp vụ

a. SGDCKVN

b. SGDCKTP.HCM

c. SGDCKHN

2. Về việc xây dựng văn bản

Phân loại theo hoạt động	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Quản lý giao dịch			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Kiểm soát nội bộ			
Công bố thông tin			
Khác			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện cụ thể nội dung phân loại các văn bản do SGDCKVN ban hành theo thẩm quyền (phân loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của *SGDCKVN và công ty con*[4])

[4] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản do SGDCKVN đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo.

3. Quản lý, giám sát thành viên

3.1 Xử lý hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên

Thành viên	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số hồ sơ đăng ký thành viên	Tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên	Tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên	Tổng số hồ sơ đăng ký thành viên đã giải quyết	Tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên đã giải quyết	Tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên đã giải quyết	Số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Thành viên giao dịch										
Thị trường niêm yết, đăng ký giao dịch										
Thị trường chứng khoán phái sinh										
Thị trường công cụ nợ										
Thành viên giao dịch đặc biệt										
Thị trường chứng khoán phái sinh										

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Thị trường công cụ nợ										
Tổng số										

Cột 1: thể hiện thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt trên các thị trường

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ đăng ký thành viên thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo.

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách cách thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký thành viên SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ giao dịch thành viên SGDCKVN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 9: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 10: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký, hủy bỏ tư cách, đình chỉ giao dịch của thành viên SGDCKVN đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo -số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

3.2 Xử lý hồ sơ vi phạm của thành viên

Nội dung	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Tổng số vụ việc đã báo cáo UBCK	Tổng số vụ việc giải quyết quá hạn	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Vi phạm chế độ công bố thông tin								
Vi phạm chế độ báo cáo								
Vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán								
Vi phạm quy định về hạ tầng công nghệ thông tin								
Vi phạm khác								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện nội dung vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[5] đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[6] phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[7] phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm.

---

[5] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[6] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[7] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[8] đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCKVN và Công ty con trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[9] đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[10] giải quyết bị quá hạn

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[11] đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết

---

chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[8] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[9] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[10] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[11] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 9: giải thích rõ vi phạm/vụ việc (nếu cần thiết).

4. Quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch

4.1. Xử lý hồ sơ chấp thuận, hủy bỏ chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch

Nội dung	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số hồ sơ đã nhận/phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM						
Niêm yết cổ phiếu lần đầu						
Thay đổi niêm yết cổ phiếu						
Hủy bỏ niêm yết cổ phiếu						
Niêm yết CCQ ETF lần đầu						
Thay đổi niêm yết CCQ ETF						
Hủy bỏ niêm yết CCQ ETF						
Niêm yết CW lần đầu						
Thay đổi niêm yết CW						
Hủy bỏ niêm yết CW						
SGDCKHN						
Niêm yết lần đầu cổ phiếu						
Thay đổi niêm yết cổ phiếu						
Hủy bỏ niêm yết cổ phiếu						

ĐKGD lần đầu						
Thay đổi ĐKGD						
Hủy bỏ ĐKGD						
Niêm yết *sản phẩm CKPS*[12]						
Hủy bỏ *sản phẩm CKPS*[13]						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung xử lý

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ *SGDCKVN và công ty con*[14] đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch *SGDCKVN và công ty con*[15] đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

---

[12] Cụm từ "CKPS" được thay thế bằng cụm từ "sản phẩm CKPS" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[13] Cụm từ "CKPS" được thay thế bằng cụm từ "sản phẩm CKPS" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[14] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[15] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch *SGDCKVN và công ty con*[16] đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ *SGDCKVN và công ty con*[17] đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo - số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

4.2. Xử lý vi phạm *tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch*[18]

Nội dung	Số vụ việc chưa giải	Tổng số vụ việc có dấu hiệu	Tổng số vụ việc kết thúc	Tổng số vụ việc xử lý	Tổng số vụ việc	Tổng số hồ sơ	Số vụ việc chưa	

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[16] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[17] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[18] Cụm từ "công ty niêm yết, đăng ký giao dịch" được thay thế bằng cụm từ "tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

	quyết xong trong kỳ báo cáo trước	vi phạm đã phát hiện trong kỳ báo cáo	theo dõi/xử lý tại SGDCK	theo thẩm quyền của SGDCK	báo cáo UBCK	giải quyết quá hạn	giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
SGDCKTP.HCM								
Chế độ báo cáo								
Chế độ công bố thông tin								
Giao dịch cổ phiếu quỹ								
Vi phạm khác								
SGDCKHN								
Chế độ báo cáo								
Chế độ công bố thông tin								
Giao dịch cổ phiếu quỹ								
Vi phạm khác								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện loại vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[19] phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[20] phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm.

---

[19] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[20] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[21] đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCKVN và Công ty con trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[22] đã báo cáo UBCKNN

Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[23] giải quyết bị quá hạn

Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

5. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký/hủy giao dịch trái phiếu

Nội dung	Số hồ sơ chưa giải quyết xong	Tổng số hồ sơ đã nhận	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số hồ sơ chưa giải quyết xong	Ghi chú

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[21] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[22] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[23] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

	trong kỳ báo cáo trước	**trong kỳ báo cáo**			**trong kỳ báo cáo**	
1	2	3	4	5	6	7
Niêm yết TPCP						
Hủy niêm yết TPCP						
Niêm yết TP được Chính phủ bảo lãnh						
Hủy niêm yết TP được chính phủ bảo lãnh						
Niêm yết TP địa phương						
Hủy niêm yết TP địa phương						
Niêm yết TP doanh nghiệp						
Hủy niêm yết TP doanh nghiệp						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung xử lý

Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đã đăng ký niêm yết/hủy niêm yết trái phiếu theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký niêm yết/ hủy niêm yết trái phiếu *SGDCKHN/SGDCKTP.HCM* [24] đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo

[24] Cụm từ "SGDCKHCM" được thay thế bằng cụm từ "SGDCKTP.HCM" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ đăng ký niêm yết/hủy niêm yết trái phiếu *SGDCKHN/SGDCKTP.HCM* [25] đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số hồ sơ chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số hồ sơ phát sinh trong kỳ báo cáo - số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

6. Xử lý vi phạm của cổ đông lớn, người nội bộ, người liên quan của người nội bộ, người liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin của *công ty đại chúng*[26] (gồm tổ chức niêm yết và tổ chức đăng ký giao dịch)

Loại vi phạm	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Tổng số vụ việc báo cáo UBCK	Tổng số vụ việc giải quyết quá hạn	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
SGDCKTP.HCM[27]								

[25] Cụm từ "SGDCKHCM" được thay thế bằng cụm từ "SGDCKTP.HCM" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[26] Cụm từ "tổ chức đại chúng" được thay thế thành cụm từ "công ty đại chúng" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[27] Cụm từ "SGDCKHCM" được thay thế bằng cụm từ "SGDCKTP.HCM" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Vi phạm chế độ Công bố thông tin của cổ đông lớn								
Vi phạm khác của cổ đông lớn								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của người nội bộ								
Vi phạm khác của người nội bộ								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của người liên quan								
Vi phạm khác của người liên quan								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của đối tượng liên quan khác								
Vi phạm khác của đối tượng liên quan khác								
SGDCKHN								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của cổ đông lớn								
Vi phạm khác của cổ đông lớn								
Vi phạm chế độ Công bố thông tin của người nội bộ								
Vi phạm khác của người nội bộ								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của người liên quan								
Vi phạm khác của người liên quan								
Vi phạm chế độ công bố thông tin của đối tượng liên quan khác								
Vi phạm khác của đối tượng liên quan khác								

Cột 1: Thể hiện loại vi phạm

Cột 2: Thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: Thể hiện tổng số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[28] đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm *SGDCKVN và công ty con*[29] phát hiện nhưng chưa đến mức xử lý vi phạm.

Cột 5: Thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[30] đã xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: Thể hiện tổng số vụ việc *SGDCKVN và công ty con*[31] đã báo cáo UBCKNN

---

[28] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[29] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[30] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[31] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Cột 7: Thể hiện tổng số vụ việc đã giải quyết quá hạn

Cột 8: Thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 9: Giải thích rõ vi phạm/vụ việc (nếu cần thiết).

7. Hoạt động đấu giá, đấu thầu chứng khoán

Loại chứng khoán	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK đã thực hiện trong kỳ báo cáo**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK giải quyết quá hạn**	**Tổng số đợt đấu giá/đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**	**Ghi chú**
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM[32]						
Cổ phiếu						
SGDCKHN						
Cổ phiếu						
Trái phiếu						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán

Cột 2: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu *SGDCKVN và công ty con*[33] chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

---

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[32] Cụm từ "SGDCKHCM" được thay thế bằng cụm từ "SGDCKTP.HCM" theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[33] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20

Cột 3: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu *SGDCKVN và công ty con*[34] đã nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu *SGDCKVN và công ty con*[35] thực hiện trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số đợt đấu giá, đấu thầu *SGDCKVN và công ty con* [36] đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu *SGDCKVN và công ty con*[37] chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số đợt đấu giá, đấu thầu chưa giải quyết

---

của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[34] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[35] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[36] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[37] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

xong của kỳ trước chuyển sang + số đợt đấu giá, đấu thầu phát sinh trong kỳ báo cáo-số đợt đấu giá, đấu thầu đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

8. Hoạt động trung gian hòa giải tại SGDCKVN

Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch chứng khoán đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	

Cột 1: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCKVN trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCKVN phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCKVN đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCKVN đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đang giải quyết và chưa giải quyết làm trung gian hòa giải của SGDCKVN trong kỳ báo cáo.

9. Hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán[38]

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[38] Mục này được thay thế bằng Phụ lục VI theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Nội dung	Số hồ sơ/vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số vụ việc đã phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc kết thúc theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã báo cáo UBCKNN trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đang tiếp tục theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
SGDCKTP.HCM						
Chạm tiêu chí giám sát						
Chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích*						
Báo cáo phân tích theo yêu cầu						
SGDCKHN						
Chạm tiêu chí giám sát						
Chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích*						
Báo cáo phân tích theo yêu cầu						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung giám sát

Cột 2: thể hiện số hồ sơ/vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN và công ty con đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc có dấu hiệu bất thường về giao dịch, đã kết thúc theo dõi, xử lý tại SGDCKVN và công ty con

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCKVN và công ty con đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc đang tiếp tục theo dõi/xử lý tại SGDCK trong kỳ báo cáo.

Ghi chú: * thể hiện các vụ việc chạm tiêu chí giám sát có báo cáo phân tích theo quy định tại khoản 02 điều 14 Thông tư 95/2020/TT-BTC hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này).

10. Công bố thông tin

Thông tin công bố	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước	Tổng số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số thông tin giải quyết quá hạn	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	**5**	6	**7**
SGDCKVN						
Thông tin công bố từ SDGCKVN						
Thông tin công bố từ thành viên						
SGDCKTP.HCM						
Thông tin công bố từ SGDCK						
Thông tin công bố từ tổ chức NY						
Thông tin công bố từ cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan.						
SGDCKHN						
Thông tin công bố từ SGDCK						
Thông tin công bố từ tổ chức NY/ĐKGD						
Thông tin công bố từ cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan.						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại tổ chức công bố thông tin

Cột 2: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện tổng số thông tin *SGDCKVN và công ty con*[39] đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số thông tin *SGDCKVN và công ty con*[40] đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn

Cột 6: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số thông tin chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo - số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo.

11.Hoạt động kiểm soát tuân thủ

Hoạt động	Số đơn vị thực hiện kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng nội dung hoạt động nghiệp vụ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm	Ghi chú
1	2	3	4	5
SGDCKVN				
Kiểm soát tuân thủ của SGDCKVN đối với các công ty con				
Quản lý thành viên				
Giám sát thị trường				
Khác				
SGDCKTP.HCM				
Giám sát thành viên				

[39] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[40] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

Hoạt động tạo lập thị trường				
Thẩm định và quản lý niêm yết				
Đấu giá				
Giám sát giao dịch				
Công bố thông tin				
Khác				
SGDCKHN				
Giám sát thành viên				
Hoạt động tạo lập thị trường				
Thẩm định và quản lý niêm yết				
Đấu giá, đấu thầu				
Giám sát giao dịch				
Công bố thông tin				
Khác				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện hoạt động chuyên môn đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của *SGDCKVN và công ty con*[41])

Cột 2: thể hiện tổng số đơn vị có liên quan đã kiểm tra

Cột 3: thể hiện tổng số nội dung đã kiểm tra đối với hoạt động chuyên môn thể hiện tại cột 1

Cột 4: thể hiện tổng số nội dung còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có)

Cột 5: thể hiện việc kiểm soát chuyên môn hay phối hợp khi tổng hợp báo cáo.

12. Đề xuất, kiến nghị của *SGDCKVN và công ty con*[42]

---

[41] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

[42] Cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con" được thay thế bằng cụm từ "Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con" theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 138/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt

- Ý kiến đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác

Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2021.

- Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

- Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

(Thông tư này được đính chính bởi Quyết định số 372/QĐ-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 138/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con và Thông tư số 139/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2026).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

2. Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.[2]

---

[2] Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 2, điểm g khoản 1 Điều 6 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.".

- Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán

1. Việc sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán phải tuân thủ Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành; đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

2. Việc thực hiện lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn về tổ chức bộ máy, nhân lực, hoạt động nghiệp vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; gắn với việc triển khai vận hành hệ thống công nghệ thông tin thị trường chứng khoán mới; không làm phát sinh chi phí đối với tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; không ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và không ảnh hưởng đến lộ trình phát triển các sản phẩm mới.

3. Việc thực hiện lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán phải bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

Chương II

LỘ TRÌNH SẮP XẾP LẠI THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU, THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU, THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH VÀ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC

Điều 4. Sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm

1. [3] Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thống nhất tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu,

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao

chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm niêm yết, thị trường giao dịch cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm niêm yết, thị trường giao dịch cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch theo quy định sau:

a) Tiếp tục tổ chức thị trường giao dịch đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

b) Tổ chức giao dịch đối với chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm đăng ký niêm yết mới;

c)[4] Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết, tổ chức giao dịch cổ phiếu mới của tổ chức đáp ứng điều kiện niêm yết quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) và có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 120 tỷ đồng trở lên;

d)[5] Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết, tổ chức giao dịch cổ phiếu mới của tổ chức đáp ứng điều kiện niêm yết quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

---

dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

đ) [6] *Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành việc tiếp nhận cổ phiếu của tổ chức niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;*

e) [7] *Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành việc tiếp nhận cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;*

g) Tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu mới của tổ chức sau khi đã hoàn thành việc tiếp nhận cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại điểm e khoản này.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu theo quy định sau:

a) Tiếp tục tổ chức thị trường giao dịch đối với cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành cho đến khi hoàn thành việc chuyển cổ phiếu niêm yết, đăng ký

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 139/2025/TT-BTC được đính chính bởi Quyết định số 372/QĐ-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 138/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con và Thông tư số 139/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d, e khoản này;

b) [8] *Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết, tổ chức giao dịch cổ phiếu mới của tổ chức đáp ứng điều kiện niêm yết quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên;*

c) [9] *Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu mới của tổ chức;*

d) [10] *Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoàn thành việc chuyển cổ phiếu của tổ chức niêm yết từ Sở Giao*

---

[8] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

[9] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 139/2025/TT-BTC được đính chính bởi Quyết định số 372/QĐ-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 138/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con và Thông tư số 139/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2026.

dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Tiếp tục tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu của tổ chức đã đăng ký giao dịch và tiếp nhận hồ sơ đăng ký giao dịch mới của tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho đến khi hoàn thành việc chuyển cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm e khoản này;

e) [11] *Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoàn thành việc chuyển cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn thành việc chuyển cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không tiếp nhận hồ sơ đăng ký giao dịch mới của tổ chức.*

4. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam xây dựng kế hoạch chuyển cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm đ, e khoản 2, điểm d, e khoản 3 Điều này và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi triển khai.

Điều 5. Sắp xếp lại thị trường giao dịch trái phiếu

1. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thống nhất tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu như sau:

a) Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp niêm yết; tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; tiếp nhận trái phiếu doanh nghiệp niêm

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu mới.

b) Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu chính quyền địa phương đã niêm yết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành cho đến ngày đáo hạn; thực hiện chuyển trái phiếu doanh nghiệp niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và không tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu mới.

c) Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành việc chuyển trái phiếu doanh nghiệp niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam xây dựng kế hoạch chuyển trái phiếu doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi triển khai.

Trường hợp đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam chưa đi vào hoạt động, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chuyển trái phiếu doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này trên cơ sở phối hợp với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi triển khai.

Điều 6. Sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch của tổ chức trong thời gian thực hiện kế hoạch chuyển chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch

1. Tổ chức đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch trước ngày hoàn thành việc chuyển cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa đưa vào giao dịch trong thời hạn theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì không phải thực hiện thủ tục chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch lại.

2. [12] *Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa được chấp thuận niêm yết, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 08 tháng 7 năm 2025 để Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức theo quy định pháp luật.*

3. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trước ngày hoàn thành việc chuyển cổ phiếu đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm e khoản 2, điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư này mà chưa được chấp thuận đăng ký giao dịch, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm chuyển hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu của tổ chức sang Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu của tổ chức theo quy định pháp luật.

Thời hạn chuyển hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu chậm nhất là 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chuyển cổ phiếu đăng ký giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được chấp thuận niêm yết, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành để Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tiếp tục xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức theo quy định pháp luật.

5. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức về việc chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch của tổ chức trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch của tổ chức theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[13]

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021.

2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết;

---

[13] Các điều 2, 3 của Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp***

Trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận của tổ chức có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết dưới 120 tỷ đồng nhưng chưa được chấp thuận niêm yết tính đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để tiếp tục xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật.

Thời hạn chuyển hồ sơ đăng ký niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

- Điều 2 Thông tư số 139/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

b) Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết;

c) Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

d) Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện sắp xếp lại các thị trường giao dịch chứng khoán theo lộ trình quy định tại Thông tư này. Trường hợp hệ thống công nghệ thông tin thị trường chứng khoán mới triển khai không đúng tiến độ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư điều chỉnh lộ trình sắp xếp lại các thị trường giao dịch chứng khoán.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty đại chúng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 12/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội.
Điện thoại: 080.44417
Email: congbao@chinhphu.vn.
Website: https://congbao.chinhphu.vn